**CSS**

|  |  |
| --- | --- |
| **Những cách nhúng css** | 1. Khai báo trực tiếp ở thẻ HTML (Inline style sheet) 2. Khai báo trong thẻ <style> của tài liệu HTML (Internal style sheet) 3. Khai báo trong file .css riêng biệt (External style sheet) |
| **Độ ưu tiên** | 1. Inline style 2. External và Internal Style 3. Kiểu mặc định của trình duyệt |
| **Các thuộc tính định dạng văn bản** | • color: Quy định màu sắc chữ  • text-align: Căn lề chữ sang trái/phải  • text-decoration: Trang trí chữ gạch chân/gạch giữa…  • text-transformation: Chuyển thành chữ hoa/chữ thường…  • font-family: Loại chữ Arial/Time New Roman…  • font-style: Kiểu chữ in nghiêng/in đậm…  • font-size: Kích thước chữ  • font-weight: Độ đậm của nét chữ |
| **Các loại bộ chọn(selector)** | • Tag selector: Chọn tất cả các phần tử  p { text-align: center; color: red; }  • Id selector: Chọn một phần tử với id xác định  #para { text-align: center; color: red; }  • Class selector: Chọn tất cả các phần tử xác định .center { text-align: center; color: red; } |
| **Danh sách - Thuộc tính rút gọn** | - **list-style-type** (nếu một danh sách đánh dấu bằng hình ảnh được chỉ định, giá trị của thuộc tính này sẽ được hiển thị nếu hình ảnh vì một số lý do nào đó không thể hiển thị)  - **list-style-position** (xác định cho vị trí đánh dấu mục danh sách xuất hiện bên trong hoặc bên ngoài dòng nội dung)  - **list-style-image** (chỉ định một hình ảnh như để đánh dấu các mục của danh sách) |
| **một số ví dụ** | - Căn chỉnh theo chiều dọc:  vertical-align: bottom; - Trang trí văn bản <p>Bỏ gạch chân của liên kết: <a href="http://tapchilaptrinh.vn">TapChiLapTrinh.vn</a></p>  text-decoration: none; - Chuyển đổi văn bản+ Viết hoa hết text-transform: uppercase; + Viết thường hết text-transform: lowercase; + Viết hoa chữ đầu text-transform: capitalize;  - Thuộc lề văn bản  text-indent: 50px;  - Khoảng cách giữa các ký tự  letter-spacing: 3px;  - Chiều cao dòng  line-height: 0.7;  - Hướng của văn bản  <div class="ex1">Hướng của văn bản từ phải sang trái (right-to-left).</div>  direction: rtl; (rigth to left)  - Khoảng cách giữa các từ  word-spacing: 10px; |
| **Kiểu đường viền** | Thuộc tính **border-style** chỉ định loại\kiểu đường viền sẽ hiển thị. Các giá trị cho phép đối với thuộc tính này:   * dotted - đường viền là các điểm (dấu chấm) * dashed - đường viền là các nét đứt * solid - đường viền là nét liền mảnh * double - đường viền là nét đôi * groove - đường viền 3D có xẻ rãnh. Hiệu ứng phụ thuộc vào màu viền * ridge - đường viền 3D tròn nổi. Hiệu ứng phụ thuộc vào màu viền * inset - đường viền 3D khung chìm. Hiệu ứng phụ thuộc vào màu viền * outset - đường viền 3D khung nổi. Hiệu ứng phụ thuộc vào màu viền * none - không có đường viền * hidden - đường viền ẩn |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |